TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2021
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sơn Thị T, sinh năm 1986 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 75 ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Lý Tấn L, sinh năm 1980 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 75 ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2020 (BL 18) cũng như quá trình giải quyết vụ án (BL 28) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Sơn Thị T trình bày:

Năm 2011, chị T kết hôn cùng anh Lý Tấn L và được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp X, xã L, thị xã V. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị T với anh L đã có 01 con chung là cháu Lý Thị Thanh T (Nữ), sinh ngày 19/8/2011.

Quá trình chung sống, chị T với anh L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không thể tiếp tục sống chung. Nay, chị T giao nộp tài liệu, chứng cứ là Trích lục kết hôn; bản sao Giấy khai sinh của cháu T cùng Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T đồng ý để anh L trực tiếp nuôi con chung vì cháu T có nguyện vọng được sống với cha, chị T vẫn chăm sóc con và chu cấp cho con theo điều kiện thực tế.

Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án (BL 28) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Lý Tấn L trình bày:

Anh L thống nhất với ý kiến của chị T về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống chung sau khi cưới. Anh L với chị T được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2012, vợ chồng đã có 01 (Một) con chung đúng như nguyên đơn trình bày. Do bất đồng quan điểm nên anh L với chị T không thể chung sống với nhau, do chị T thường chửi và đuổi anh L ra khỏi nhà; từ tháng 12/2020, anh L đã về bên cha mẹ ruột ở cùng ấp X sinh sống cho đến nay; trong thời gian này, anh L cũng chỉ biết năn nỉ chị T để được hàn gắn lại nhưng chị T không chịu và vợ chồng không gặp mặt nhau để nói chuyện, khắc phục bất đồng, anh L chỉ nhắn tin hoặc gọi điện thoại nhưng chị T không trả lời; hiện anh L cũng không có cách gì hữu hiệu để cải thiện tình trạng hôn nhân nhưng vẫn còn thương vợ con, anh L không đồng ý ly hôn và chờ đợi chị T đổi ý.

Trường hợp Tòa án xử cho ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu T muốn sống cùng cha, anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con do anh L có việc làm và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L cũng thống nhất với ý kiến của chị T, tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, anh L không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các đương sự (BL 26); sức khỏe, tình hình phát triển của cháu Lý Thị Thanh T (BL 22). Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh L; giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị T yêu cầu ly hôn với anh L và giải quyết quyền nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Quan hệ pháp luật tranh chấp này được điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Trích lục kết hôn và bản sao Giấy khai sinh của cháu T, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu do chị T giao nộp cũng như việc thừa nhận của anh L và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị T về kết hôn với anh L, được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng đã có 01 con chung, có tài sản chung và nợ chung là sự thật. Như vậy, chị T và anh L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, từ cuối năm 2020 đến nay, chỉ vì mâu thuẫn mà chị T và anh L đã không sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau chăm lo cho cháu T. Mặc dù anh L không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp, giải pháp cụ thể để cải thiện tình trạng hôn nhân, hàn gắn tình cảm với chị T nên rõ ràng anh L với chị T không còn thương yêu, tôn trọng nhau; không cùng nhau khắc phục khó khăn để có niềm vui, hạnh phúc nên chị T với anh L không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; cần áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T ly hôn với anh Lý Tấn L.

- Tại thời điểm xét xử vụ án, cháu Lý Thị Thanh T đã trên 07 tuổi, được học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ và có nguyện vọng được sống với cha; việc bày tỏ ý chí của cháu Trúc là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc và chị T, anh L cũng thống nhất với sự lựa chọn của con. Xét, ý chí và nguyện vọng của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình, về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ cũng như đạo đức xã hội, phù hợp điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy, cần căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của anh L về việc không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

- Các đương sự cùng khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Sơn Thị T chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Sơn Thị T được ly hôn với anh Lý Tấn L.

2. Về con chung:

Giao cho anh Lý Tấn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Thị Thanh T (Nữ), sinh ngày 19/8/2011.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của anh L, chị Sơn Thị T không phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh L nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu T, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Sơn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006467 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG